TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **13/**2018/KDTM-PT
Ngày: 12/11/2018
V/ v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thu Hường.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 06/2018/TLPT-KDTM ngày 11/9/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 28/5/2018 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2018/QĐPT-KDTM ngày 23/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, quận B, thành phố H

- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N: Ông Nguyễn Kiến Q - Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N- Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Địa chỉ: 57 Nơ Trang Lơng, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Đậu H và bà Trần Thị Đ, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đậu Văn T, có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Đậu Thị X, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Đậu Thị N, có mặt.

4. Anh Đậu Văn N, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Văn T, chị Đậu Thị X, chị Đậu Thị N và anh Đậu Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai, tại buổi hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Kiến Q trình bày: Ngày 12/5/2015 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là ngân hàng) và ông Đậu H, bà Trần Thị Đ (sau đây gọi tắt là ông H, bà Đ) có ký kết hợp đồng tín dụng số 5217LAV201500187, cho ông H và bà Đ vay số tiền là 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để kinh doanh nông sản, phân bón, phương thức trả nợ gốc 01 kỳ (hạn trả nợ tiền vay ngày 12/5/2016), trả lãi theo gốc.

Để đảm bảo cho khoản vay 4.000.000.000 đồng, ông H, bà Đ có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (QSDĐ) số 57/13 HĐTC ngày 21/5/2013 và hợp đồng thế chấp QSDĐ số 60/13 HĐTC ngày 05/6/2013, tài sản thế chấp là các QSDĐ như sau: QSDĐ số AK591909 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K cấp ngày 20/02/2008, thửa đất số 65, 95 tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.770m2, đất tọa lạc tại thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên hộ ông Đậu H và bà Trần Thị Đ; QSDĐ số AC 486774 do UBND huyện K cấp ngày 28/12/2006, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 10.910m2, đất tọa lạc tại: thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên hộ ông Đậu H; QSDĐ số W836745 do UBND huyện K cấp ngày 24/3/2004, thửa đất số 62, 63, 64, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.240m2, đất tọa lạc tại: thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên hộ ông Đậu H; QSDĐ số R433725 do UBND huyện K cấp ngày 14/02/2001, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 4.370 m2, đất tọa lạc tại: thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên hộ ông Đậu H; QSDĐ số BG629322 do UBND huyện K cấp ngày 17/5/2012, thửa đất số 32, 33, 51 tờ bản đồ số 13, diện tích 16.780m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên ông Đậu H.

Đối với QSDĐ số AG865881 do UBND huyện K cấp ngày 08/02/2007, thửa đất số 259, tờ bản đồ số 33, diện tích 125m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 57/13 HĐTC ngày 21/5/2013, ngân hàng đã trả lại cho ông H, bà Đ trước khi ký hợp đồng tín dụng số 5217LAV201500187 ngày 12/5/2015.

Sau khi ký kết hợp đồng ông H, bà Đ đã nhận đủ số tiền trên thành 02 lần, giấy nhận tiền lần 1 ngày 12/5/2015 đã nhận số tiền là 2.000.000.000 đồng và giấy nhận tiền lần 2 ngày 13/5/2015 đã nhận số tiền là 2.000.000.000 đồng. Từ ngày vay đến nay ông H, bà Đ chưa thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng.

Theo hợp đồng tín dụng số 5217LAV201500187 ngày 12/05/2015, tính đến ngày 28/5/2018 ông H, bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền là 5.447.222.222 đồng. Trong đó tiền gốc là 4.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.235.555.556 đồng, lãi quá hạn là 211.666.667 đồng.

Ngày 04/6/2015, giữa Ngân hàng và ông H, bà Đ tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 5217LAV201500247, cho ông H và bà Đ vay số tiền là 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay: chăm sóc cà phê và trồng mới tiêu; phương thức trả nợ gốc 03 kỳ (hạn trả nợ chia làm 03 đợt: ngày 02/6/2016 trả 700.000.000 đồng, ngày 02/6/2017 trả 850.000.000 đồng, ngày 02/6/2018 trả 950.000.000 đồng), trả lãi theo gốc.

Để đảm bảo cho khoản vay 2.500.000.000 đồng, ông H, bà Đ có ký hợp đồng thế chấp QSDĐ số 02062015-01/HĐTC ngày 02/6/2015, tài sản thế chấp là QSDĐ như sau: QSDĐ số BA790642 do UBND huyện K cấp ngày 05/05/2011, thửa đất số 47, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.580m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; QSDĐ số BA790736 do UBND huyện K cấp ngày 19/05/2011, thửa đất số 222, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 102m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; QSDĐ số BG617151 do UBND huyện K cấp ngày 26/12/2011, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.603m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; QSDĐ số BG629533 do UBND huyện K cấp ngày 05/6/2012, thửa đất số 294, 236, 310, 311, 314 tờ bản đồ số 39, diện tích 13.545m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên bà Trần Thị Đ; QSDĐ số BN586890 do UBND huyện K cấp ngày 09/4/2015, thửa đất số 55, 62, 63 tờ bản đồ số 31 diện tích 23.056m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên ông Đậu H.

Sau khi ký kết hợp đồng ông H, bà Đ đã nhận đủ số tiền trên thành 02 lần, giấy nhận tiền lần 1 ngày 04/6/2015 đã nhận số tiền là 1.500.000.000 đồng và giấy nhận tiền lần 2 ngày 09/6/2015 đã nhận số tiền là 1.000.000.000 đồng. Từ ngày vay đến nay ông H, bà Đ chưa thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng.

Theo hợp đồng tín dụng số 5217LAV201500247, tính đến ngày 28/5/2018 ông Đậu H, bà Trần Thị Đ còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 3.424.583.333 đồng. Trong đó tiền gốc là 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 794.062.5000 đồng, lãi quá hạn là 130.520.833 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đậu H, bà Trần Thị Đ phải trả số tiền là 8.871.805.556 đồng, trong đó nợ gốc là 6.500.000.000 đồng, nợ lãi 2.371.805.556 đồng, lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 29/5/2018 đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Đậu H, bà Trần Thị Đ không trả được các khoản nợ vay trên thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Đ là ông Đậu H có ý kiến như sau: Tôi thừa nhận gia đình tôi có vay của Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk số tiền gốc là 6.500.000.000 đồng và lãi suất là 2.371.805.556 đồng. Tổng cộng số tiền là 8.871.805.556, cụ thể các lần vay tiền như sau:

Ngày 12/05/2015, tôi và bà Đ vay của Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để kinh doanh nông sản, phân bón, phương thức trả nợ gốc 01 kỳ (hạn trả nợ tiền vay ngày 12/5/2016), trả lãi theo gốc.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 4.000.000.000 đồng, tôi và bà Đ có ký hợp đồng thế chấp QSDĐ số 57/13 HĐTC ngày 21/5/2013 và hợp đồng thế chấp QSDĐ số 60/13 HĐTC ngày 05/6/2013, tài sản thế chấp là các QSDĐ như sau: Số AK591909 do UBND huyện K cấp ngày 20/02/2008, thửa đất số 65, 95, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.770m2, đất tọa lạc tại thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên hộ ông Đậu H và bà Trần Thị Đ; số AC 486774 do UBND huyện K cấp ngày 28/12/2006, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 10.910m2, đất tọa lạc tại: thôn T , xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên hộ ông Đậu H; số W836745 do UBND huyện K cấp ngày 24/3/2004, thửa đất số 62, 63, 64 tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.240m2, đất tọa lạc tại: thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên hộ ông Đậu H; số R433725 do UBND huyện K cấp ngày 14/02/2001, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 4.370m2, đất tọa lạc tại: thôn T, xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên hộ Đậu H; số BG629322 do UBND huyện K cấp ngày 17/5/2012, thửa đất số 32, 33, 51 tờ bản đồ số 13, diện tích 16.780m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên ông Đậu H.

Đối với QSDĐ số AG865881 do UBND huyện K cấp ngày 08/02/2007, thửa đất số 259, tờ bản đồ số 33, diện tích 125m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp QSDĐ số 57/13 HĐTC ngày 21/5/2013, tôi và bà Đ đã xin rút và

nhận lại trước khi ký hợp đồng tín dụng số 5217LAV201500187 ngày 12/5/2015 với ngân hàng.

Tiếp tục ngày 04/6/2015, tôi và bà Đ tiếp tục vay của Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay: chăm sóc cà phê và trồng mới tiêu, phương thức trả nợ gốc 03 kỳ (hạn trả nợ chia làm 03 đợt: ngày 02/6/2016 trả 700.000.000 đồng, ngày 02/6/2017 trả 850.000.000 đồng, ngày 02/6/2018 trả 950.000.000 đồng), trả lãi theo gốc.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 2.500.000.000 đồng, tôi và bà Đ có ký hợp đồng thế chấp QSDĐ số 02062015-01/HĐTC ngày 02/6/2015, tài sản thế chấp gồm các QSDĐ như sau: Số BA790642 do UBND huyện K cấp ngày 05/05/2011, thửa đất số 47, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.580m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; số BA790736 do UBND huyện K cấp ngày 19/05/2011, thửa đất số 222, tờ bản đồ số 12, diện tích 102m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; số BG617151 do UBND huyện K cấp ngày 26/12/2011, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 1603m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; số BG629533 do UBND huyện K cấp ngày 05/6/2012, thửa đất số 294, 236, 310, 311, 314 tờ bản đồ số 39, diện tích 13.545m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên bà Trần Thị Đ; số BN586890 do UBND huyện K cấp ngày 09/4/2015, thửa đất số 55, 62, 63 tờ bản đồ số 31, diện tích đất 23.056m2, đất tọa lạc tại: Xã E, huyện K, Đắk Lắk mang tên ông Đậu H.

Từ đó đến nay tôi và bà Đ chưa thanh toán được khoản tiền nào kể cả gốc và lãi cho ngân hàng đối với cả hai hợp đồng tín dụng trên. Do gia đình tôi bị hoạn nạn, làm ăn gặp nhiều khó khăn, vợ thì bị đau ốm nặng,

Tại biên bản làm việc ngày 15/02/2017 giữa tôi và ngân hàng, tôi không chấp nhận vì nội dung biên bản làm việc không phải ý chí của tôi mà do anh Nguyễn Kiến Q cán bộ của ngân hàng đọc cho tôi viết với nội dung là tôi không đồng ý bàn giao tài sản cho ngân hàng. Sau đó ngân hàng khởi kiện ra Tòa án để xử lý nợ là tôi không đồng ý, vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn mà Tòa án giải quyết thì tôi phải chịu án phí và các thủ tục khác.

Nay Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk yêu cầu tôi và bà Trần Thị Đ trả số tiền là 8.871.805.556 đồng, trong đó nợ gốc là 6.500.000.000 đồng + nợ lãi tính đến ngày 28/5/2018 là 2.371.805.556 đồng. Nay tôi đồng ý bàn giao tài sản đã thế chấp cho ngân hàng tự bán để thu hồi nợ theo hợp đồng đã ký kết hoặc ngân hàng để cho tôi một thời gian tự bán các tài sản đã thế chấp để trả nợ cho ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đậu Thị X, anh Đậu Văn T, chị Đậu Thị N, anh Đậu Văn N (là các con của ông Đậu H và bà Trần Thị Đ), trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ.

Tại bản án số 01/2018/KDTM-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271 BLTTDS; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 BLDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí ,lệ phí Tòa án.

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Đậu H, bà Trần Thị Đ phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 8.871.805.556 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 6.500.000.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 28/5/2018 là 2.371.805.556 đồng.

Ông Đậu H và bà Trần Thị Đ còn phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5217-LVA-2015 ngày 12/5/2015 và hợp đồng tín dụng số 5217-LAV-2015 ngày 04/6/2015 kể từ ngày 29/5/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk.

Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk có nghĩa vụ trả lại cho ông Đậu H và bà Trần Thị Đ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AK591909, thửa đất số 65, 95 tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.770m2 mang tên hộ ông Đậu H và bà Trần Thị Đ; QSDĐ số AC 486774, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 10.910m2 mang tên hộ ông Đậu H; QSDĐ số W836745, thửa đất số 62, 63, 64, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.240m2 mang tên hộ ông Đậu H; QSDĐ số R433725, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 4.370m2, mang tên hộ Đậu H; QSDĐ số BG629322, thửa đất số 32, 33, 51, tờ bản đồ số 13, diện tích đất 16.780m2 mang tên ông Đậu H; QSDĐ số BA790642 thửa đất số 47, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 5.580m2 mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; QSDĐ số BA790736, thửa đất số 222, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 102m2, mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; QSDĐ số BG617151, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 1603m2, mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; QSDĐ số BG629533 thửa đất số 294, 236, 310, 311, 314, tờ bản đồ số 39, diện tích đất 13.545m2 mang tên bà Trần Thị Đ; QSDĐ số BN586890, thửa đất số 55, 62, 63, tờ bản đồ số 31, diện tích đất 23.056m2 mang tên ông Đậu H.

Trường hợp ông Đậu H và bà Trần Thị Đ không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk thì Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk

có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông Đậu H và bà Trần Thị Đ đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/6/2018, bị đơn ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Văn T, chị Đậu Thị X; chị Đậu Thị Ng và anh Đậu Văn N đều có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm, cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn ông Đậu H và bà Trần Thị Đ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Văn T, chị Đậu Thị X, chị Đậu Thị N và anh Đậu Văn N kháng cáo cho rằng có 04 QSDĐ thế chấp mang tên hộ ông Đậu H là QSDĐ số AK591909; số AC 486774; số W836745; số R433725 nhưng các thành viên hộ gia đình ông Đậu H không ký vào hợp đồng thế chấp nên việc Tòa án tuyên buộc ông H, bà Đ trả nợ trong trường hợp ông H và bà Đ không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông Đậu H và bà Trần Thị Đ đã thế chấp để thu hồi nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong hộ gia đình là không có căn cứ.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Văn T, chị Đậu Thị X, chị Đậu Thị N và anh Đậu Văn N – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày 28/5/2018 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận Đ như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

HĐXX xét thấy ngày 12/5/2015 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk và ông Đậu H, bà Trần Thị Đ có ký kết hợp đồng tín dụng số 5217LAV201500187, cho ông H, bà Đ vay số tiền là 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để kinh

doanh nông sản, phân bón, phương thức trả nợ gốc 01 kỳ (hạn trả nợ vào ngày 12/5/2016), trả lãi theo gốc.

Ngày 04/6/2015, giữa Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk và ông H, bà Đ tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 5217LAV201500247, cho ông H và bà Đ vay số tiền là 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay: chăm sóc cà phê và trồng mới tiêu; phương thức trả nợ gốc 03 kỳ (hạn trả nợ chia làm 03 đợt: ngày 02/6/2016 trả 700.000.000 đồng, ngày 02/6/2017 trả 850.000.000 đồng, ngày 02/6/2018 trả 950.000.000 đồng), trả lãi theo gốc.

Hết thời hạn thanh toán nợ cho đến nay ông H, bà Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận hai bên đã ký kết đối với hợp đồng tín dụng số 5217LAV201500247 và hợp đồng tín dụng số 5217LAV201500187. Như vậy, ông H, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện là đúng quy Đ của pháp luật. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tuyên buộc ông Đậu H, bà Trần Thị Đ phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 8.871.805.556 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 6.500.000.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 28/5/2018 là 2.371.805.556 đồng là có cơ sở.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đậu H và bà Trần Thị Đ cho rằng có 04 QSDĐ mang tên hộ ông Đậu H (QSDĐ số AK591909 thửa đất số 65, 95, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.770m2; QSDĐ số AC 486774 thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 10.910m2; QSDĐ số W836745 thửa đất số 62, 63, 64, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.240m2; QSDĐ số R433725 thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 4.370 m2). Các quyền sử dụng đất trên mang tên hộ nhưng các thành viên Hộ gia đình ông Đậu H không ký vào hợp đồng thế chấp nên việc Tòa án tuyên buộc ông H, bà Đ trả nợ và trường hợp ông H, bà Đ không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông H và bà Đ đã thế chấp để thu hồi nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong hộ gia đình.

Xét thấy, thực tế các tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên của ông H, bà Đ được hình thành từ việc nhận chuyển nhượng QSDĐ. Đối với QSDĐ số R433725 thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 4.370 m2 nhận chuyển nhượng từ năm 2001; QSDĐ số AK591909 thửa đất số 65, 95, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.770m2 có nguồn gốc là ông H nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn T vào ngày 28/01/2008; QSDĐ số AC 486774 thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 10.910m2 do ông H và bà Đ nhận chuyển nhượng của ông Trần Hậu L vào ngày 28/12/2006; QSDĐ số W836745 thửa đất số 62, 63, 64, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.240m2 nguồn gốc là ông Đậu H nhận chuyển nhượng của ông Đỗ T vào ngày 04/02/2004. Mặc dù các thửa đất trên đều mang tên Hộ ông Đậu H nhưng nguồn gốc đất là do ông Đậu H, bà Trần Thị Đ nhận chuyển

nhượng, thời điểm nhận chuyển nhượng các QSDĐ này, các con của ông H và bà Đ còn nhỏ (con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1996), đều đang trong thời kỳ bố mẹ nuôi ăn học nên không có nguồn thu nhập nào khác cũng như đóng góp công sức vào việc mua và tạo lập tài sản là các QSDĐ nêu trên.

Anh Đậu Văn T, chị Đậu Thị X, chị Đậu Thị N và anh Đậu Văn N cho rằng trong khối tài sản trên ông bà nội của các anh, chị đã cho một số tiền và anh chị đã đóng góp công sức để xây dựng, duy trì khối tài sản trên nhưng lại không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên nội dung kháng cáo này là không có căn cứ.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Văn T, chị Đậu Thị X, chị Đậu Thị N và anh Đậu Văn N.

[2] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Văn T, chị Đậu Thị X, chị Đậu Thị N và anh Đậu Văn N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[3] Các quyết Đ khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Văn Th, chị Đậu Thị X, chị Đậu Thị Ng và anh Đậu Văn N – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2018/KDTM-ST ngày 28/5/2018 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khỏan 1 Điều 35, điểm a khỏan 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 227; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 BLDS; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí , lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

[2] Buộc ông Đậu H, bà Trần Thị Đ phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk số tiền là 8.871.805.556 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 6.500.000.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 28/5/2018 là 2.371.805.556 đồng.

Ông Đậu H và bà Trần Thị Đ còn phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5217-LVA-2015 ngày 12/5/2015 và hợp đồng tín dụng số 5217-LAV-2015 ngày 04/6/2015 kể từ ngày 29/5/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk.

Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk có nghĩa vụ trả lại cho ông Đậu H và bà Trần Thị Đ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AK591909, thửa đất số 65, 95, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.770m2 mang tên hộ ông Đậu H và bà Trần Thị Đ; số AC 486774, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 10.910m2 mang tên hộ ông Đậu H; số W836745, thửa đất số 62, 63, 64, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 14.240m2 mang tên hộ Đậu H; số R433725, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 4.370m2, mang tên hộ ông Đậu H; số BG629322, thửa đất số 32, 33, 51, tờ bản đồ số 13, diện tích đất 16.780m2 mang tên ông Đậu H; số BA790642 thửa đất số 47, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 5.580m2 mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; số BA790736, thửa đất số 222, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 102m2 mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; số BG617151, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 1.603m2 mang tên ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; số BG629533 thửa đất số 294, 236, 310, 311, 314, tờ bản đồ số 39, diện tích đất 13.545m2 mang tên bà Trần Thị Đ; số BN586890, thửa đất số 55,62,63, tờ bản đồ số 31, diện tích đất 23.056m2 mang tên ông Đậu H.

Trường hợp ông Đậu H và bà Trần Thị Đ không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông Đậu H và bà Trần Thị Đ đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy Đ của pháp luật.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Ông Đậu H, bà Trần Thị Đ phải nộp 116.871.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk số tiền 60.060.755 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số: AA/2016/0002618 ngày 16/8/2017.

[3.2] Án phí phúc thẩm:

Bị đơn ông Đậu H, bà Trần Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Văn T, chị Đậu Thị X; chị Đậu Thị N và anh Đậu Văn N, mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Đậu H đã nộp và nộp thay cho bà Trần Thị Đ, anh Đậu Văn T, chị Đậu Thị X, chị Đậu Thị N và anh Đậu Văn N theo các biên lai thu số AA/2017/0002651; AA/2017/0002650; AA/2017/0002649; AA/2017/0002648; AA/2017/0002647; AA/2017/0002646 ngày 11/6/2018; và các biên lai thu số AA/2017/0010220; AA/2017/0010221; AA/2017/0010222;

AA/2017/0010223; AA/2017/0010224; AA/2017/0010225 ngày 27/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết Đ khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn